

Số: /BC-VPUB

Ninh Thuận, ngày tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Bộ chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận tháng 3 năm 2025

Căn cứ Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) theo thời gian thực trên môi trường điện tử (Bộ Chỉ số 766).

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 5137/UBND-PVHCC ngày 05/11/2024 về việc nâng cao kết quả đánh giá, xếp loại của tỉnh đối với Bộ chỉ số theo quy định tại Quyết định số 766/QĐ-TTg. Qua tổng hợp, thống kê và phân tích các dữ liệu của Bộ chỉ số trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>). Số liệu được sử dụng làm căn cứ đánh giá, xếp loại được thống kê tại thời điểm lúc 14 giờ 00 phút ngày 03/4/2025 và sẽ thay đổi theo thời gian thực.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, DVCTT trên địa bàn tỉnh tháng 3 năm 2025 (theo 3 Phụ lục đính kèm), cụ thể như sau:

I. Các chỉ tiêu báo cáo theo Bộ Chỉ số 766:

Trong tháng 3/2025, tỉnh Ninh Thuận đạt 88,83 điểm, xếp hạng thứ **07/63** tỉnh, thành phố, giảm 4 hạng so với mốc số liệu tháng 02/2025 chỉ số của tỉnh đạt 86,55 điểm, xếp hạng thứ **05/63** tỉnh, thành phố.

1. Về kết quả nhóm Chỉ số tổng hợp Bộ chỉ số 766 của UBND tỉnh.

TT	CHỈ SỐ	TỶ LỆ %	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ
1	Điểm công khai minh bạch	100	18
2	Điểm dịch vụ công trực tuyến	78	17,73
3	Điểm mức độ hài lòng	96	17,3
4	Điểm số hóa hồ sơ	90,95	20
5	Điểm tiến độ giải quyết	79,2	15,8
	Tổng cộng	88,83	88,83

2. Về kết quả tổng hợp Bộ chỉ số 766 của cấp Sở

TT	ĐƠN VỊ	Điểm số/Tỷ lệ			Xếp hạng		
		T02/ 2025	T3/ 2025	Tăng/ Giảm	T02/ 2025	T3/ 2025	Tăng/ Giảm
1	Sở Tư pháp	91,72	70,53	-21,19	4	9	-5
2	Sở Xây dựng	79,32	94,59	15,27	9	3	6
3	Sở Khoa học và CN	84,91	32,73	-52,18	8	11	-3
4	Sở Nông nghiệp và Môi trường	87,29	87,01	-0,29	7	6	1
5	Sở Nội vụ	90,7	95,54	4,84	5	1	4
6	Sở Văn hóa, TT và DL	94,57	94,48	-0,09	3	4	-1
7	Sở Tài chính	49,98	72,56	22,59	11	8	3
8	Sở Y tế	88,98	91,10	2,13	6	5	1
9	Sở Công Thương	72,61	80,62	8,01	10	7	3
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	95,75	95,3	-0,45	1	2	-1
11	Sở Dân tộc và Tôn giáo	32,73	32,73	0	12	11	1
12	Ban Quản lý các KCN	95,45	52,73	-42,73	2	10	-8

Kết quả của tháng 3/2025:

- Sở Nội vụ **hạng 1** tăng 4 hạng, xếp loại xuất sắc;
- Sở Giáo dục và Đào tạo **hạng 2** giảm 1 hạng, xếp loại xuất sắc;
- Sở Xây dựng **hạng 3** tăng 6 hạng, xếp loại xuất sắc.
- Ban Quản lý các khu công nghiệp **hạng 10** giảm 8 hạng (10/12), xếp loại trung bình.
- Sở Khoa học và Công nghệ **hạng 11** giảm 2 hạng (11/12), xếp loại yếu.
- Sở Dân tộc và Tôn giáo **hạng 11** giảm 1 hạng (11/12), xếp loại yếu.

3. Về kết quả tổng hợp Bộ chỉ số 766 của cấp huyện

TT	ĐƠN VỊ	Điểm số/Tỷ lệ			Xếp hạng		
		T02/ 2025	T3/ 2025	Tăng/ Giảm	T02/ 2025	T3/ 2025	Tăng/ Giảm
1	UBND thành phố PR-TC	96,41	96,51	0,09	3	4	-1
2	UBND huyện Ninh Hải	97,22	97,06	-0,16	2	1	1
3	UBND huyện Thuận Bắc	76,10	89,43	13,34	7	6	1
4	UBND huyện Thuận Nam	86,74	85,82	-0,92	5	7	-2
5	UBND huyện Bác Ái	94,79	94,77	-0,02	4	5	-1

6	UBND huyện Ninh Sơn	86,36	96,62	10,26	6	3	3
7	UBND huyện Ninh Phước	97,58	96,77	-0,81	1	2	-1

Kết quả của tháng 3/2025:

- UBND huyện Ninh Hải xếp **hạng 1** tăng 3 hạng, xếp loại xuất sắc;
- UBND huyện Ninh Phước xếp **hạng 2**, giảm 1 hạng, xếp loại xuất sắc;
- UBND huyện Ninh Sơn xếp **hạng 3** giảm 1 hạng, loại xuất sắc;
- UBND huyện Bác Ái xếp **hạng 5** giảm 1 hạng (5/7), xếp loại xuất sắc;
- UBND huyện Thuận Bắc xếp **hạng 6** tăng 1 hạng (6/7), xếp loại tốt;
- UBND huyện Thuận Nam **hạng 7** giữ nguyên hạng (7/7), xếp loại tốt.

4. Về kết quả tổng hợp Bộ chỉ số 766 của cấp xã

TT	ĐƠN VỊ	Điểm số/Tỷ lệ			Xếp hạng		
		T02/2025	T3/2025	Tăng/ Giảm	T02/ 2025	T3/ 2025	Tăng/ Giảm
I	UBND thành phố Phan Rang-Tháp Chàm						
1	UBND phường Đông Hải	95,05	97,93	2,88	26	13	13
2	UBND phường Văn Hải	97,02	97,66	0,64	17	22	-5
3	UBND phường Mỹ Đông	85,58	97,57	11,99	48	25	23
4	UBND phường Đài Sơn	95,64	97,39	1,75	25	28	-3
5	UBND phường Phủ Hà	98,07	97,83	-0,24	6	16	-10
6	UBND phường Đô Vinh	96,39	97,94	1,55	21	11	10
7	UBND phường Mỹ Bình	89,24	97,66	8,42	41	23	18
8	UBND phường Kinh Dinh	97,92	97,44	-0,48	10	26	-16
9	UBND phường Bảo An	97,67	97,26	-0,41	13	30	-17
10	UBND xã Thành Hải	94,02	97,14	3,12	27	33	-6
11	UBND phường Mỹ Hải	97,47	97,17	-0,31	14	32	-18
12	UBND phường Phước Mỹ	90,73	96,95	6,22	34	34	0
13	UBND phường Đạo Long	96,32	96,16	-0,16	22	36	-14
II	UBND huyện Ninh Hải						
1	UBND xã Phương Hải	96,11	98,04	1,93	23	8	15
2	UBND thị trấn Khánh Hải	96,99	97,58	0,59	18	24	-6
3	UBND xã Thanh Hải	97,99	97,23	-0,76	8	31	-23
4	UBND xã Nhơn Hải	98,18	98,05	-0,14	1	7	-6
5	UBND xã Xuân Hải	95,97	95,66	-0,32	24	42	-18

TT	ĐƠN VỊ	Điểm số/Tỷ lệ			Xếp hạng		
		T02/2025	T3/2025	Tăng/ Giảm	T02/ 2025	T3/ 2025	Tăng/ Giảm
6	UBND xã Hộ Hải	96,73	96,36	-0,36	19	35	-16
7	UBND xã Tân Hải	97,33	97,4	0,07	15	27	-12
8	UBND xã Tri Hải	97,69	98,15	0,45	12	3	9
9	UBND xã Vĩnh Hải	93,40	93,22	-0,18	29	45	-16
III	UBND huyện Thuận Bắc						
1	UBND xã Công Hải	93,95	97,85	3,90	28	15	13
2	UBND xã Lợi Hải	84,66	95,78	11,12	49	40	9
3	UBND xã Bắc Sơn	67,73	98,18	30,46	60	1	59
4	UBND xã Bắc Phong	89,77	97,99	8,22	38	9	29
5	UBND xã Phước Chiến	64,93	34,55	-30,38	62	62	0
6	UBND xã Phước Kháng	72,28	86,14	13,86	57	59	-2
IV	UBND huyện Thuận Nam						
1	UBND xã Phước Nam	74,09	89,88	15,79	56	54	2
2	UBND xã Phước Diêm	88,94	90,46	1,52	42	51	-9
3	UBND xã Phước Ninh	71,57	90,91	19,34	58	47	11
4	UBND xã Cà Ná	66,64	89,73	23,09	61	55	6
5	UBND xã Phước Minh	97,88	98,18	0,30	11	1	10
6	UBND xã Nhị Hà	86,69	90,18	3,49	47	53	-6
7	UBND xã Phước Dinh	89,41	89,41	0,00	40	56	-16
8	UBND xã Phước Hà	90,51	90,47	-0,04	35	50	-15
V	UBND huyện Bắc Ái						
1	UBND xã Phước Trung	88,32	85,58	-2,74	43	60	-17
2	UBND xã Phước Chính	69,72	72,42	2,70	59	61	-2
3	UBND xã Phước Tiến	90,36	90,3	-0,06	36	52	-16
4	UBND xã Phước Đại	98,18	98,08	-0,10	1	6	-5
5	UBND xã Phước Thành	96,48	92,75	-3,73	20	46	-26
6	UBND xã Phước Thắng	90,75	90,68	-0,06	33	48	-15
7	UBND xã Phước Hòa	97,94	97,94	0,00	9	12	-3
8	UBND xã Phước Tân	89,49	88,70	-0,79	39	57	-18
9	UBND xã Phước Bình	90,79	90,63	-0,16	32	49	-17
VI	UBND huyện Ninh Sơn						
1	UBND xã Quảng Sơn	80,64	97,77	17,13	53	19	34

TT	ĐƠN VỊ	Điểm số/Tỷ lệ			Xếp hạng		
		T02/2025	T3/2025	Tăng/ Giảm	T02/ 2025	T3/ 2025	Tăng/ Giảm
2	UBND xã Lương Sơn	79,08	93,95	14,86	54	44	10
3	UBND xã Nhơn Sơn	81,70	97,88	16,18	52	14	38
4	UBND thị trấn Tân Sơn	91,17	97,81	6,64	31	17	14
5	UBND xã Mỹ Sơn	86,96	96,05	9,09	46	37	9
6	UBND xã Lâm Sơn	91,42	95,75	4,32	30	41	-11
7	UBND xã Ma Nởi	75,61	97,73	22,12	55	20	35
8	UBND xã Hòa Sơn	87,09	98,11	11,02	45	4	41
VII	UBND huyện Ninh Phước						
1	UBND thị trấn Phước Dân	84,62	95,98	11,36	50	38	12
2	UBND xã Phước Thuận	98,18	97,77	-0,41	1	18	-17
3	UBND xã Phước Thái	90,20	95,88	5,68	37	39	-2
4	UBND xã Phước Hữu	87,81	88,34	0,52	44	58	-14
5	UBND xã Phước Hậu	97,13	97,31	0,18	16	29	-13
6	UBND xã Phước Hải	98,06	98,11	0,05	7	4	3
7	UBND xã An Hải	83,81	94,63	10,81	51	43	8
8	UBND xã Phước Sơn	98,12	97,68	-0,44	5	21	-16
9	UBND xã Phước Vinh	98,17	97,97	-0,20	4	10	-6

Kết quả của tháng 3/2025:

- UBND xã Phước Minh xếp **hạng 1** tăng 10 hạng, xếp loại xuất sắc.
- UBND xã Bắc Sơn xếp cùng **hạng 1** tăng 59 hạng, xếp loại xuất sắc.
- UBND xã Tri Hải xếp **hạng 3** tăng 9 hạng, xếp loại xuất sắc.
- UBND xã Phước Trung xếp **hạng 60** giảm 17 hạng (60/62), loại khá;
- UBND xã Phước Chính **hạng 61** giảm 2 hạng (61/62), loại trung bình;
- UBND xã Phước Chiến **hạng 62** không tăng hạng (62/62), loại yếu.

II. Giải pháp thực hiện cải cách TTHC trọng tâm tháng 4/2025:

Trong tháng 3/2025, các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh đã có nhiều tiến bộ, thực hiện đạt loại xuất sắc, loại tốt 5 chỉ số thành phần của Bộ chỉ số 766. Tuy nhiên, các tỉnh, thành phố khác trên toàn quốc đã thực hiện tốt hơn nên vị trí xếp hạng của tỉnh giảm 2 hạng (**xếp hạng 7**) so với tháng 02/2025.

Để hoàn thành các nhiệm vụ và chỉ tiêu được giao về cải cách TTHC năm

2025, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban quản lý các khu công nghiệp; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cần tập trung hơn nữa để thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Căn cứ Bảng tính điểm Bộ chỉ số 766 do Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tổng hợp, chỉ đạo kiểm tra, đối soát với kết quả đạt được tập trung thực hiện xuất sắc các nhiệm vụ cải cách TTHC tại cơ quan, đơn vị và địa phương mình. Đồng thời, làm rõ nguyên nhân những tồn tại, hạn chế mà không có lý do chính đáng, kịp thời chấn chỉnh trách nhiệm, đánh giá phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ tháng, quý của Người đứng đầu phụ trách, tập thể, cá nhân có liên quan theo quy định. Trường hợp tiếp tục thực hiện giải quyết TTHC không đạt mục tiêu đề ra thì chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Cần chú ý kiểm tra, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ TTHC theo quy định (*100% hồ sơ TTHC được tiếp nhận và trả kết quả đồng bộ hồ sơ TTHC trên Hệ thống*); tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, số hóa hồ sơ, **nhất là** Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Ủy ban nhân dân các huyện **Thuận Nam** và **Thuận Bắc**, Ủy ban nhân dân các xã **Phước Chiến, Phước Chính, Phước Trung**,... bảo đảm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao theo quy định.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh kính báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh (báo cáo);
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH, VXNV, TCD;
- Lưu: VT, PVHCC. CT

**KT, CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Võ Minh Tâm

BẢNG TÍNH ĐIỂM CÁC NHÓM CHỈ SỐ

TT	Chỉ số	Điểm tối đa	Ghi chú
I	Công khai, minh bạch	18	
1	Tỷ lệ thủ tục hành chính công bố đúng hạn	6	
2	Tỷ lệ thủ tục hành chính được cập nhật, công khai đúng hạn	4	
3	Tỷ lệ thủ tục hành chính được công khai có đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận tạo thành của TTHC	2	
4	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	6	
II	Tiến độ, kết quả giải quyết	20	
1	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20	
III	Cung cấp dịch vụ trực tuyến	22	
1	Tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến	2	Đạt điểm tối đa khi đạt mục tiêu tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.
2	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	
3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ trực tuyến	6	Đạt điểm tối đa khi đạt mục tiêu tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.
Thanh toán trực tuyến			
4	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	
5	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	2	Đạt điểm tối đa khi đạt mục tiêu tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.
6	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	
IV	Số hóa hồ sơ	22	
1	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	
2	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ	4	Đạt điểm tối đa khi đạt mục tiêu tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.
3	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	
4	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	

TT	Chỉ số	Điểm tối đa	Ghi chú
5	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	4	
	Ứng dụng dữ liệu dân cư trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công		
6	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	2	
7	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	
V	Mức độ hài lòng	18	
1	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	
2	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	
3	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	Đạt điểm tối đa khi đạt mục tiêu tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.
Tổng điểm tối đa		100	